

Kinh nghiệm quốc tế trong nghiên cứu về bạo lực gia đình: Từ lý thuyết tới thực tiễn

Dương Kim Anh

Học viện Phụ nữ Việt Nam

Tóm tắt: Bạo lực gia đình là vấn đề toàn cầu. Vì vậy, việc học hỏi kinh nghiệm là hết sức cần thiết trên cả phương diện lý thuyết lẫn thực tiễn. Bài viết này chia sẻ một số cách tiếp cận nghiên cứu về bạo lực gia đình trên thế giới, gợi ý những điểm có thể áp dụng được trong nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam. Bạo lực gia đình chính là hình thức bạo lực trên cơ sở giới, xâm phạm quyền con người, phẩm giá con người, gây cản trở cho tiến trình thúc đẩy bình đẳng giới. Nghiên cứu về bạo lực gia đình cần lưu tâm đến tiếp cận từ góc độ giới, tiếp cận quyền con người. Bên cạnh đó cần lưu ý tới các phương pháp tiếp cận đồng bộ khác như tiếp cận từ góc độ luật pháp chính sách, từ góc độ văn hóa xã hội, hoặc coi bạo lực gia đình như một vấn đề cản trở sự phát triển. Nghiên cứu về bạo lực gia đình cần sử dụng kết hợp hai phương pháp định tính và định lượng để có thể giải quyết các hạn chế về số liệu nghiên cứu. Đặc biệt, khi nghiên cứu bạo lực gia đình cần lưu tâm đến vấn đề đạo đức nghiên cứu⁽¹⁾.

Từ khóa: Gia đình; Bạo lực gia đình; Phụ nữ; Giới; Phương pháp tiếp cận, nghiên cứu.

1. Bạo lực gia đình: Chủ đề nghiên cứu đa dạng

Bạo lực gia đình (domestic violence) không còn là thuật ngữ xa lạ trên toàn thế giới, bởi không một nước nào thực sự miễn nhiễm với BLGD (WHO, 2002; Hahn, 2012). Bạo lực gia đình (BLGD) xuất hiện ở mọi nền văn hóa, mọi quốc gia, mọi độ tuổi, giới tính, sắc tộc, màu da. BLGD có tác động tới tất cả mọi người có liên quan. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng phụ nữ nghèo, phụ nữ thuộc đối tượng dễ bị tổn thương chịu nhiều hơn các tác động tiêu cực của BLGD. Đặc biệt, BLGD ảnh hưởng tới sức khỏe thể chất, tinh thần và sức khỏe sinh sản của phụ nữ. Trẻ em, mặc dù có thể không trực tiếp hứng chịu BLGD, cũng bị tổn thương tâm lý, tình cảm do phải chứng kiến bạo lực từ cha mẹ mình. Trên thực tế, có sự tồn tại hiện tượng bạo lực ngược (bạo lực phụ nữ gây ra đối với nam giới), tuy nhiên, với tỷ lệ thấp hơn nhiều so với bạo lực của nam giới đối với phụ nữ.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (2013), có tới 35% phụ nữ toàn cầu hứng chịu bạo lực thể chất và/hoặc bạo lực tình dục. Có tới 30% phụ nữ trên thế giới chịu bạo lực thể chất và/hoặc bạo lực tình dục từ người bạn đời của mình, con số này ở một số khu vực lên tới 38%. Đông Nam Á là nơi có tỷ lệ phụ nữ bị bạo hành cao nhất (37,7%). Tỷ lệ này ở các vùng Đông Địa Trung Hải là 37%, Châu Phi 29,8%, Châu Mỹ, Châu Âu 25,4%, và Tây Thái Bình Dương là 24,6% (WHO, 2013). Như vậy, điều kiện kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp tới BLGD, phù hợp với nhiều kết quả nghiên cứu cho rằng khó khăn kinh tế là nguyên nhân trực tiếp gây ra BLGD và các hình thức bạo lực trên cơ sở giới (Mutiso & cộng sự, 2010; Anderberg & cộng sự, 2016).

Chủ đề BLGD vẫn luôn hấp dẫn các nhà nghiên cứu, các học giả trên toàn thế giới. Nghiên cứu của hai học giả, xuất bản tháng 6 năm 2017 về BLGD ở Anh và xứ Wales cho thấy, có 7% phụ nữ và 4,4% nam giới khu vực này chịu BLGD trong khoảng thời gian 2015-2016. Theo hai tác giả trên, có 26,3% phụ nữ và 13,6% nam giới từng bị BLGD kể từ tuổi 16 (Strickland & Allen, 2017). Như vậy, có khoảng 1,2 triệu phụ nữ và 651.000 nam giới tại các vùng trên là nạn nhân của BLGD. Nạn nhân của BLGD bao gồm cả nam lẫn nữ.

2. Một số cách tiếp cận nghiên cứu bạo lực gia đình: Tiếp cận lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tiếp cận nghiên cứu BLGD từ góc độ quyền con người

Nghiên cứu BLGD dưới góc độ tiếp cận quyền con người được nhiều học giả sử dụng. Bharani (2013) phân tích BLGD tại Ấn Độ dưới góc độ

quyền con người. Theo đó, BLGD và quyền con người là hai vấn đề độc lập, tuy nhiên có liên hệ mật thiết với nhau. Nghiên cứu của Bharani phân tích khái niệm quyền con người, BLGD và các bên liên quan, tìm hiểu các chiều cạnh của BLGD, các công cụ thúc đẩy quyền con người được Liên Hợp Quốc và luật pháp các nước ghi nhận. Nghiên cứu khẳng định vai trò của các tổ chức xã hội dân sự như Action India, Oxfam India trong phòng chống BLGD.

Nghiên cứu BLGD của Chính phủ Nepal (2013) nhấn mạnh quyền bình đẳng giới của phụ nữ. Sử dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người, nghiên cứu đưa ra hàng loạt các giải pháp như xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng, xóa bỏ các hủ tục mê tín dị đoan; đưa ra các quy định luật pháp xử phạt các hành vi bạo lực đối với phụ nữ, thực hiện các chương trình trao quyền và phát triển kỹ năng cho phụ nữ; thực hiện các hỗ trợ khẩn cấp cho nạn nhân BLGD.

Nghiên cứu của Fenrich & Contesse (2008) cho thấy, cứ ba phụ nữ New Zealand có một phụ nữ chịu BLGD, cho dù New Zealand đã ký và tuân thủ nhiều cam kết quốc tế nhằm đảm bảo quyền con người của phụ nữ. BLGD có tác động tới tất cả các cộng đồng sắc tộc ở New Zealand, tuy nhiên tệ nạn này xảy ra nhiều hơn ở cộng đồng người Maori - là cộng đồng người bản địa, có liên quan đến những phân biệt đối xử về giáo dục, thu nhập thấp; phân biệt đối xử trong sử dụng đất đai, quyền văn hóa, trong đó có việc không khuyến khích sử dụng tiếng Maori trong trường học. Nhiều người Maori cho rằng họ không được hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế, xã hội của New Zealand; các chương trình, giải pháp phòng chống BLGD của chính phủ không có hiệu quả với cộng đồng người Maori do khác biệt về phong tục, tập quán xã hội giữa người Maori và người Anh - chiếm phần đông dân số của New Zealand. Đây cũng chính là khía cạnh văn hóa cần lưu ý trong nghiên cứu về BLGD.

Avloniti (2012) tiếp cận nghiên cứu BLGD từ góc độ quyền con người và sức khỏe con người. Tác giả khuyến cáo rằng BLGD là một trong những nguyên nhân chính gây ra tử vong và thương tật cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản. Thậm chí, tỷ lệ tử vong do BLGD còn cao hơn số ca tử vong do tai nạn giao thông và bệnh sốt rét cộng lại. Để giảm thiểu BLGD, cần thay đổi suy nghĩ về vai trò vị trí của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội, quan tâm chăm sóc sức khỏe cho các nạn nhân BLGD.

Như vậy, tiếp cận quyền con người trong nghiên cứu về BLGD là cách tiếp cận cơ bản. Nghiên cứu về BLGD thường được khai thác dưới góc độ quyền con người, bởi BLGD vi phạm các quyền cơ bản của con người, vi

phạm Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), vi phạm Tuyên ngôn nhân quyền thế giới (UDHR). Luật pháp các nước cũng nhấn mạnh quyền con người trong bảo vệ thể chất, nhân phẩm; tuy nhiên trên thực tế vẫn tồn tại BLGD. Tiếp cận nghiên cứu BLGD từ góc độ quyền con người, vì thế, cần các giải pháp can thiệp đồng bộ, dựa trên các bằng chứng thực tế.

2.2. Tiếp cận nghiên cứu BLGD từ góc độ giới

BLGD là một hình thức bạo lực trên cơ sở giới, nhằm vào một người dựa trên cơ sở giới tính của người đó. BLGD không những vi phạm quyền con người cơ bản của phụ nữ (quyền được sống, được bảo vệ thân thể), mà còn cản trở sự tham gia của phụ nữ vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. BLGD cũng như bạo lực đối với phụ nữ là nguyên nhân cũng như hậu quả của các bất bình đẳng giới, sự mất cân bằng về quyền lực giữa phụ nữ và nam giới, gây ảnh hưởng tới vai trò giới, các quan niệm và giá trị xã hội, làm suy giảm vai trò, vị trí của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (2009), bất bình đẳng giới làm gia tăng rủi ro nam giới gây bạo lực cho phụ nữ, ngăn cản sự tìm kiếm hỗ trợ của nạn nhân bạo lực. Thúc đẩy bình đẳng giới là giải pháp không thể thiếu trong phòng chống BLGD. Các chương trình can thiệp hướng vào trường học giúp giải quyết các vấn đề kỳ thị, định kiến giới ăn sâu vào giới trẻ, đặc biệt là các hình thức bạo lực hẹn hò (dating violence) và lạm dụng tình dục đối với trẻ em, trẻ vị thành niên. Các sáng kiến can thiệp cộng đồng giúp trao quyền cho phụ nữ, tăng cường sự tham gia của nam giới như sáng kiến kết hợp giữa cho vay tín dụng vi mô và tăng cường tiếng nói của nam giới chống lại BLGD được áp dụng ở nhiều quốc gia.

Nghiên cứu của Araujo & các tác giả khác (2000) tìm hiểu cấu trúc giới của BLGD ở cấp độ vĩ mô, xác định nguyên nhân gốc rễ của BLGD, xuất phát từ các bất bình đẳng giới và khác biệt trong xu hướng tính dục. Bolis & Hughes (2015) khẳng định rằng nguyên nhân của BLGD là bất bình đẳng trong quan hệ quyền lực và vị trí phụ thuộc của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Ngoài ra, BLGD xảy ra do văn hóa bảo thủ, hạn chế sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động ngoài hôn nhân, hạn chế về thu nhập khiến phụ nữ có vị thế kinh tế thấp hơn nam giới. Trong khi đó, Báo cáo của Thượng nghị viện Australia (2016) chỉ ra rằng, cần lưu ý tới các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương bởi bất bình đẳng giới có tác động khác nhau tới các đối tượng phụ nữ. Nỗ lực đẩy lùi BLGD cần được xem xét giải quyết trong mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực và các hình thức bất bình đẳng giới khác.

Giải quyết các bất bình đẳng giới giúp giảm thiểu BLGD (WHO, 2009; Bolis & Hughes, 2015). Nói một cách khác, đầu tư thúc đẩy bình đẳng giới chính là giải pháp giúp chấm dứt BLGD, góp phần xây dựng một xã hội bình đẳng, công bằng, một xã hội nói không với bạo lực.

2.3. Tiếp cận nghiên cứu BLGD từ góc độ luật pháp, chính sách

BLGD là một tội ác, cần sự điều chỉnh của pháp luật. Nghiên cứu của Hagemann-White (2012) nhấn mạnh vai trò của giám sát, đánh giá luật pháp, đặc biệt là luật pháp về quyền con người. Hagemann-White (2012) phân tích vai trò của nhà nước cùng các chủ thể liên quan trong phòng chống BLGD. Trên thực tế, các chính sách nói chung, chính sách phòng chống BLGD nói riêng hướng tới các đối tượng đích khác nhau - họ là con người, có quyền hiến định. Hầu hết các quốc gia có Luật phòng chống BLGD, bởi BLGD là vấn đề của mọi quốc gia. BLGD ảnh hưởng tới nhiều người khác nhau, với những tổn thương khác nhau, nhưng là mối quan tâm chung của nhiều xã hội, nhiều vùng lãnh thổ.

Tiếp cận nghiên cứu BLGD từ góc độ luật pháp chính sách, Matczak & Lindsay (2011) trên cơ sở bối cảnh nước Anh và xứ Wales, chỉ ra rằng, để giải quyết hiệu quả BLGD, cần có các giải pháp chính sách đồng bộ và sự tham gia của các tổ chức khu vực và quốc gia. Các giải pháp phòng chống BLGD phải linh hoạt và đa chiều, chứ không thể là một giải pháp chung cho các đối tượng khác nhau bởi họ có các nhu cầu, nguyện vọng khác biệt. Matczak & Lindsay (2011) lưu ý rằng thất bại chính sách gây ra lãng phí tiền bạc cho xã hội và nhiều tác động tiêu cực khác. Ngoài ra, cần lưu ý đến các chính sách di cư, có tác động tới vị thế của phụ nữ khi phụ thuộc người chồng ở nhiều mặt. Cần hỗ trợ các đối tượng bị bạo hành ngược, là nam giới, vốn hay bị lãng quên khi không ít người cho rằng BLGD là bạo lực đối với phụ nữ. Hơn nữa, cần lưu ý đến các đối tượng dễ bị tổn thương khác như trẻ em, người già, các đối tượng chịu án phạt tù, v.v để bảo vệ họ khỏi các hình thức bạo lực khác nhau, trong đó có BLGD.

Không chỉ phân tích tình hình bạo lực, các chính sách phòng chống BLGD, một số nghiên cứu còn phân tích các mô hình phòng chống bạo lực quốc gia. Nghiên cứu của Herbert & Mckenzie (2014), Bộ tư pháp New Zealand (Ministry of Justice, 2015) là hai trong số các trường hợp như vậy. Các nghiên cứu này nhấn mạnh rằng bạo lực trong tình yêu và bỏ bê và lạm dụng trẻ là vấn nạn ở New Zealand. Các hình thức bạo lực trên có tác động tới nhiều người, nhiều thế hệ - như là một dịch bệnh, gây ra nhiều vấn đề xã hội tiêu cực khác nhau. Hệ thống luật pháp phòng chống BLGD của New Zealand tương đối đầy đủ, tuy nhiên với sự phát triển của

xã hội và tính chất phức tạp của BLGD, luật pháp chính sách của New Zealand chưa ứng phó hiệu quả với BLGD. New Zealand cũng có nhiều mô hình phòng chống BLGD hiệu quả như các mô hình can thiệp phòng chống BLGD tại cộng đồng, mô hình phòng chống bạo lực cho phụ nữ, mô hình phòng chống bạo lực cho nam giới. Mặc dù vậy, các bộ luật, các mô hình phòng chống BLGD ở New Zealand còn hạn chế trong việc giải quyết các tổn thương về tâm lý do BLGD gây ra, giải quyết các trường hợp BLGD lặp lại nhiều lần, đảm bảo an toàn cho nạn nhân của BLGD, an toàn cho cảnh sát, sự phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan trong giải quyết BLGD.

2.4. Tiếp cận nghiên cứu BLGD từ góc độ văn hóa xã hội

BLGD liên quan đến các yếu tố văn hóa xã hội (WHO, 2009; Chang, 2015). Có thể nói, BLGD là vấn đề xã hội, chịu tác động và tác động ngược trở lại tới các yếu tố chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội. Văn hóa phụ quyền, gia trưởng được khẳng định là một trong những nguyên nhân chính của BLGD, xuất phát từ quan hệ thống trị của nam giới - sự phụ thuộc của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Theo Tracy (2007), mọi thiết chế gia trưởng đều ảnh hưởng tới BLGD. Tuy nhiên, các thiết chế gia trưởng tạo cơ hội cho nam giới nắm quyền lực trong gia đình, khiến họ cho rằng mình có quyền gây ra bạo lực, có quyền uốn nắn, dạy dỗ vợ và các thành viên gia đình. Nghiên cứu về các yếu tố văn hóa, kinh tế xã hội của BLGD ở Pakistan nhấn mạnh rằng, BLGD có nguyên nhân từ các tư tưởng phong kiến, bảo thủ, quan niệm xã hội lạc hậu. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phụ nữ gặp phải các rào cản văn hóa xã hội ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống bên trong và ngoài gia đình. Theo Qaisrani & các tác giả khác (2016) để xóa bỏ BLGD nam giới cần có tư tưởng cấp tiến, công nhận quyền của phụ nữ, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển mọi mặt.

Nghiên cứu thúc đẩy sự thay đổi các quan niệm văn hóa xã hội có ảnh hưởng tới BLGD của Tổ chức Y tế Thế giới (2009) nhấn mạnh sự cần thiết phải thay đổi các quan niệm văn hóa xã hội có tác động tới việc gây ra BLGD. Lý do là các quan niệm và giá trị văn hóa xã hội có ảnh hưởng mạnh tới việc hình thành hành vi của cá nhân, trong đó có việc suy nghĩ về bạo lực và sử dụng bạo lực. Các quan niệm, giá trị văn hóa có thể chống lại BLGD nhưng cũng có thể khuyến khích bạo lực. Ví như, quan niệm cho rằng phải sử dụng đòn roi để dạy dỗ con cái trong gia đình là yếu tố gây ra bạo lực và tệ nạn xã hội ở con trẻ sau này.

Năm 2012 Chính phủ New Zealand công bố kết quả nghiên cứu văn hóa và BLGD. Nghiên cứu được thực hiện tại 7 cộng đồng Thái Bình

Dương là Đảo Cook, Fiji, Niue, Samoa, Tokelau, Tonga và Tuvalu. Nghiên cứu phân tích các quan niệm, tập quán văn hóa liên quan đến BLGD, so sánh quan niệm về BLGD giữa phụ nữ New Zealand và phụ nữ các đảo khảo sát, phân tích mối quan hệ giới và văn hóa. Đặc biệt, nghiên cứu tìm hiểu mối quan hệ giữa thay đổi hành vi bạo lực và thay đổi môi trường, giữa bạo lực và môi trường sống, môi trường gia đình, môi trường công việc, môi trường cộng đồng, môi trường xã hội. Nghiên cứu được xây dựng trên quan điểm coi văn hóa là các khung biến đổi (transformative framework), theo đó, một nền văn hóa không thể tồn tại độc lập, mà trong một chỉnh thể, có mối liên quan với các nền văn hóa khác, đặc biệt là những nền văn hóa có nhiều nét tương đồng (Peteru, 2012). Trường hợp nền văn hóa của 7 cộng đồng dân cư Thái Bình Dương là một minh chứng. Nghiên cứu đã xây dựng nên Khung khái niệm về 7 dân tộc thiểu số đặc thù, nhấn mạnh sự phức tạp của các khái niệm, ý nghĩa khác nhau của các khái niệm trong các nền văn hóa khác nhau. Khái niệm có thể có ý nghĩa đa chiều, khác biệt nhưng có liên quan đến nhau ở các nền văn hóa khác nhau. Điều này có ảnh hưởng đến việc hiểu và thể hiện vấn đề BLGD khác nhau trong luật pháp chính sách của các quốc gia, trong khi đó người ta thường nói đến khu vực Thái Bình Dương một cách chung chung chứ không có sự tách biệt theo vùng địa lý đặc thù. Từ lý luận này, nghiên cứu tìm hiểu các vấn đề liên quan tới BLGD ở từng vùng văn hóa cụ thể.

2.5. Nghiên cứu BLGD như một vấn đề phát triển

Trong bối cảnh phát triển bền vững hiện nay, BLGD là rào cản đáng kể. Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững đã đưa ra nhiều chỉ tiêu liên quan đến BLGD. Cụ thể là các quy định: Chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ và trẻ em gái ở mọi nơi (5.1); Loại bỏ tất cả các hình thức bạo lực đối với tất cả phụ nữ và trẻ em gái (5.2); Giảm đáng kể các hình thức bạo lực và tỷ lệ tử vong liên quan đến bạo lực ở mọi nơi (16.1); Chấm dứt lạm dụng, bóc lột và tất cả các hình thức bạo lực và tra tấn đối với trẻ em (16.2).

BLGD ảnh hưởng tới sự phát triển của cá nhân, gia đình, đất nước. BLGD không chỉ tạo gánh nặng cho cá nhân, gia đình, xã hội mà còn gây thiệt hại cho nền kinh tế do các chi phí điều trị các tổn thương thể chất, tâm lý, khắc phục hậu quả BLGD gây ra, chi phí can thiệp, v.v. Tác giả Day & các tác giả khác (2005) cho rằng chi phí của BLGD bao gồm các chi phí vô hình và chi phí hữu hình. Chi phí hữu hình bao gồm các chi phí vận hành, hỗ trợ các dịch vụ ở nhà tạm lánh, chi phí đi lại của nạn nhân (chi phí hữu hình trực tiếp), suy giảm thời gian, thu nhập của người lao

động (chi phí hữu hình gián tiếp), những đau đớn, sợ hãi, chịu đựng, thương tật, thậm chí là tử vong (chi phí vô hình trực tiếp), tổn thương tâm lý với trẻ em chứng kiến BLGD (chi phí vô hình gián tiếp). Các chi phí ảnh hưởng có liên quan đến cá nhân, các cơ quan tổ chức, chính phủ và toàn xã hội.

Nghiên cứu của Lalasz (2004) cho thấy, trình độ phát triển ảnh hưởng tới mức độ BLGD. Các tác giả Brooks (2011), Kitzmann (2012) xác nhận ảnh hưởng của BLGD tới sự phát triển của trẻ em. Một số nghiên cứu khác tìm hiểu ảnh hưởng của sự phát triển các dịch vụ xã hội tới việc giảm thiểu BLGD và thực thi chính sách BLGD (Sipamla, 2012; Oladezi, 2013).

Như vậy, tiếp cận nghiên cứu BLGD rất đa dạng, cung cấp các quan điểm đa chiều với nhiều thông tin, kiến thức phong phú. Các tiếp cận lý luận trên được hỗ trợ bằng các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Hai phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu về BLGD là phương pháp nghiên cứu định lượng và phương pháp nghiên cứu định tính. Nghiên cứu định lượng đóng vai trò quan trọng trong tìm hiểu vấn đề BLGD, đặc biệt là trên phạm vi quốc gia. Trong thời gian qua, nghiên cứu quốc gia về BLGD ở các nước Australia, Mỹ, Nepal, Tonga, Georgia hay nghiên cứu đa quốc gia về nam giới và bạo lực ở các nước Châu Á Thái Bình Dương (Bangladesh, Trung Quốc, Campuchia, Indonesia, Papua New Guinea và Sri Lanka) giai đoạn 2011-2013 cũng áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng. Bên cạnh đó, nghiên cứu định tính đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu về BLGD nói riêng và bạo lực giới nói chung. Các phương pháp nghiên cứu nữ quyền (feminist research approach) có thể được áp dụng để lắng nghe ý kiến, kinh nghiệm của các nạn nhân và các đối tượng liên quan. Phương pháp phân tích diễn ngôn phê phán - CDA (Critical Discourse Analysis) cũng rất phù hợp trong các nghiên cứu về BLGD, đặc biệt là trong tổng quan tài liệu, phân tích luật pháp chính sách, chương trình can thiệp; tìm hiểu cấu trúc kinh tế văn hóa xã hội, chính trị sâu xa của BLGD. Đặc biệt, phương pháp phỏng vấn sâu rất phù hợp để khai thác các chủ đề nghiên cứu nhạy cảm, các đối tượng dễ bị tổn thương, trong đó có nạn nhân của bạo lực.

3. Một số lưu ý khi nghiên cứu về bạo lực gia đình

Bạo lực gia đình là hành động vi phạm quyền con người, quyền bình đẳng giới. Vì vậy, khi thực hiện các nghiên cứu về BLGD cần quan tâm đến quyền và nhu cầu của nạn nhân, đặc biệt là các nhóm đối tượng yếu thế. Cần quan tâm đến tình hình thực tế về phân biệt đối xử và loại trừ xã hội bởi các nạn nhân BLGD chịu các nguy cơ này rất cao nếu không có sự

can thiệp kịp thời và phù hợp. Hơn nữa, BLGD chính là bạo lực trên cơ sở giới, vì thế cần tìm hiểu quan điểm của nữ giới, nam giới về BLGD, thu hút sự quan tâm tham gia của nam giới vào các chương trình phòng chống bạo lực. Cần tìm hiểu những khó khăn, bất cập của nạn nhân trong tiếp cận các dịch vụ, chương trình hỗ trợ phòng chống BLGD.

Nghiên cứu về BLGD chính là nghiên cứu về vấn đề nhạy cảm, theo đó người thực hiện nghiên cứu phải bằng mọi giá không làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người cung cấp thông tin, đặc biệt khi họ là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới. Người thực hiện nghiên cứu có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin xác thực nhất, đảm bảo an toàn cho nạn nhân trong suốt quá trình nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu về BLGD cần quán triệt, tập huấn cho các thành viên tham gia về các yêu cầu đạo đức nghiên cứu. Một số tài liệu có thể tham khảo là Khuyến nghị về đạo đức và an toàn khi nghiên cứu, viết tài liệu và giám sát vấn đề bạo lực tình dục (WHO, 2007); Khuyến nghị về đạo đức và an toàn khi nghiên cứu BLGD đối với phụ nữ (WHO, 2001). Cần xác định đạo đức nghiên cứu là kim chỉ nam, điều tiết hoạt động nghiên cứu, đảm bảo nghiên cứu không ảnh hưởng tới sự an toàn của nạn nhân BLGD.

Để tăng cường hiệu quả nghiên cứu BLGD, nhóm nghiên cứu cần phân tích rõ các hạn chế trong thu thập các thông tin, dữ liệu chính xác về BLGD, đặc biệt là hạn chế về nguồn lực, về kỹ thuật nghiên cứu. Nghiên cứu đánh giá dựa trên bằng chứng rất quan trọng, giúp đưa ra những khuyến nghị, chương trình, giải pháp có căn cứ thực tiễn. Vì vậy, cần tăng cường xác định các bằng chứng, kết hợp các kỹ thuật nghiên cứu định tính và định lượng.

Qua thực tế rà soát các nghiên cứu về BLGD ở cấp độ quốc gia, trong hầu hết các trường hợp, bảng hỏi định lượng thường được thiết kế theo mẫu của Tổ chức Y tế Thế giới, cụ thể là mẫu của Nghiên cứu quốc gia về sức khỏe phụ nữ và BLGD đối với phụ nữ (WHO, 2005) - đây là mẫu bảng hỏi chung. Để khắc phục những hạn chế liên quan đến khuôn mẫu và những hạn chế của số liệu định lượng, khi nghiên cứu về BLGD cần kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính, khai thác các chiều cạnh văn hóa xã hội có ảnh hưởng tới sự tồn tại và gia tăng của BLGD. Ngoài ra, nghiên cứu so sánh tình hình BLGD, bạo lực giới giữa hai hay nhiều quốc gia, nghiên cứu BLGD từ góc độ phát triển còn rất ít. Đây là những khoảng trống cần lưu tâm ở Việt Nam cũng như trên thế giới. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ: "Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường xã hội và kinh tế đến bạo lực gia đình hiện nay" (Mã số: KHXXH-GĐ/16-19/04). Đề tài thuộc Chương trình NCKH cấp Bộ "Nghiên cứu đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế" của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Tài liệu trích dẫn

- Anderberg, D., Rainer, H., & Wadsworth, J., Wilson, T. 2016. "Unemployment and Domestic Violence: Theory and Evidence". *The Economic Journal*, 126(597), 1947-2217.
- Araujo, K., Guzman, V., & Mauro, A. 2000. "How domestic violence came to be viewed as a public issue and policy object". *Cepal Review*, 137-150.
- Avloniti, I. 2012. *Domestic violence: A major Health and Human Rights issue in the world*. Athens: School of Medicine, Athens University.
- Bharani, N. 2013. "Domestic violence and human rights". *International research Journal of Social Sciences*, 2(9), 7-10.
- Bolis, M., & Hughes, C. 2015. *Women's economic empowerment and domestic violence: Links and lessons for practitioners working with intersectional approaches*.
- Ministry of Justice. 2015. *Strengthening New Zealand's legislative response to family violence*. Wellington: Ministry of Justice.
- Brooks, R. 2011. *The impact of domestic violence on children: A literature review*. Sydney: The University of New South Wales.
- Chang, A. 2015. *Social factors related to domestic violence among Hmong adults* (Master thesis. University of St. Thomas).
- Chính phủ Nepal - Government of Nepal. 2013. *Violence against women and girls: Accessing the situation of Nepal in 2012*. Kathmandu: Informal Sector Service Centre (INSEC).
- Day, T., McKenna, K., & Bowlus, A. 2005. *The economic costs of violence against women: An evaluation of literature*. Ontario: University of Western Ontario.
- Fenrich, J. & Contesse, J. 2008. It's not OK: New Zealand efforts to eliminate violence against women. *Fordham International Law Journal*, 32(6).
- Lalasz, R. 2004. *Domestic violence in developing countries: An intergenerational crisis*. Washington, D.C.: Population Reference Bureau.
- Hagemann-White, C. 2012. *Review of the implementation of the Beijing Platform for Action in the EU member states: Violence against women - Victim support*. Luxembourg: Publications Office of the European Union.
- Hahn, F. A. 2012. *Strategies for Primary Prevention of Intimate Partner Violence Perpetration Introducing a prevention programme into church-based chil-*

- dren's ministry settings*. University of North Carolina.
- Herbert, R. & Mckenzie, D. 2014. *The way forward: An integrated system for intimate partner violence and child abuse and neglect in New Zealand*. Wellington: The Impact Collective.
- Mutiso, M. M., Chessa, S.R., Chisire, M.A., & Kemboi, L. 2010. "Factors Leading to Domestic Violence in Low-Income Residential Areas in Kenya: A Case Study of Low-income Residential Areas in Kisumu City". *Journal of emerging trends in educational research and policy studies (Joteraps)* 1(2): 65-75.
- Matczak, A., Hatzidimitriadou, E., & Lindsay, J. 2011. *Review of domestic violence policy in England and Wales*. London: Kingston University and St George's, University of London.
- Kitzmann KM. 2012. *Domestic Violence & Its Impact on the Social and Emotional Development of Young Children*. In: Tremblay RE, Boivin M, Peters RDeV, eds. MacMillan HL
- Simister, J. 2016. "Domestic violence against women: Higher tax on alcohol could protect women". *Open Journal on Social Sciences*, 4/2016, 114-123.
- Sipamla, S. 2012. *Social services for victims of domestic violence: The role of the Department of Social Development in the implementation of the Domestic Violence Act*.
- Strickland, P. & Allen, G. 2017. *Domestic violence in England and Wales*. Briefing paper No.6337, 21 June, 2017. House of Commons Library.
- Peteru, M. K. 2012. *A literature review on culture and family violence in seven Pacific communities in New Zealand*. New Zealand: Falevitu.
- The Senate of Australia (Thượng nghị viện Australia). 2016. *Domestic violence and gender inequality*. Canberra: The Senate Printing Unit.
- Tracy, S. R. 2007. "Patriarchy and domestic violence: Challenging womenmisconceptions". *JETS* 50/3 (September 2007), 573-94.
- Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). 2001. *Putting women first: Ethical and safety recommendations for research on domestic violence against women*. Geneva: WHO.
- Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). 2002. *World report on violence and health*. Geneva: WHO.
- Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). 2005. *WHO multi-counrty study on women's health and domestic violence against women*. Geneva: WHO.
- Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). 2007. *WHO Ethical and safety recommendations for researching, documenting and monitoring sexual violence in emergencies*. Geneva: WHO.
- Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). 2009. *Changing cultural and social norms that support violence*. WHO.
- Tổ chức Y tế thế giới (WHO). 2013. *Global and regional estimates of violence against women: Prevalence and health effects of intimate partner violence and non-partner sexual violence*. Italy: WHO.